

QUY CHẾ

THỰC HIỆN DÂN CHỦ CƠ SỞ TRÊN ĐỊA BÀN XÃ EA TIÊU

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2024 của UBND xã Ea Tiêu)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi áp dụng

Quy chế này quy định về nội dung, cách thức thực hiện dân chủ trên địa bàn xã Ea Tiêu; quyền và nghĩa vụ của công dân trong thực hiện dân chủ và trách nhiệm của cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân về bảo đảm thực hiện dân chủ trong hoạt động của xã Ea Tiêu theo các quy định của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, làm việc tại, các cơ quan, đơn vị, tổ chức, Trưởng, phó các thôn, buôn và hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư trên địa bàn xã Ea Tiêu thực hiện dân chủ ở cơ sở.

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện

- Bảo đảm quyền của công dân được biết, tham gia ý kiến, quyết định và kiểm tra, giám sát việc thực hiện dân chủ ở cơ sở.
- Bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, vai trò nòng cốt của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong thực hiện dân chủ.
- Thực hiện dân chủ trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật; bảo đảm trật tự, kỷ cương, không cản trở hoạt động bình thường của chính quyền địa phương.
- Bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.
- Bảo đảm công khai, minh bạch, tăng cường trách nhiệm giải trình trong quá trình thực hiện dân chủ.
- Tôn trọng ý kiến đóng góp của Nhân dân, kịp thời giải quyết kiến nghị, phản ánh của Nhân dân.

Điều 4. Những hành vi cấm khi thực hiện quy chế dân chủ

- Gây khó khăn, phiền hà hoặc cản trở, đe dọa công dân thực hiện dân chủ ở cơ sở.

2. Bao che, cản trở, trù dập hoặc thiếu trách nhiệm trong việc giải quyết kiến nghị, khiếu nại, tố cáo; tiết lộ thông tin về người tố cáo, người cung cấp thông tin về hành vi vi phạm có liên quan đến việc thực hiện dân chủ ở cơ sở.

3. Lợi dụng việc thực hiện dân chủ ở cơ sở để thực hiện hành vi xâm phạm an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

4. Lợi dụng việc thực hiện dân chủ ở cơ sở để xuyên tạc, vu khống, gây mâu thuẫn, kích động bạo lực, phân biệt vùng, miền, giới tính, tôn giáo, dân tộc, gây thiệt hại cho cá nhân, cơ quan, đơn vị, tổ chức.

5. Giả mạo giấy tờ, gian lận hoặc dùng thủ đoạn khác để làm sai lệch kết quả bầu, quyết định, tham gia ý kiến của công dân.

Chương II

NỘI DUNG QUY CHẾ DÂN CHỦ Ở CƠ SỞ

Mục 1

NỘI DUNG THÔNG TIN CÔNG KHAI, THAM GIA Ý KIẾN, QUYẾT ĐỊNH, KIỂM TRA, GIÁM SÁT

Điều 5. Nội dung chính quyền phải công khai

Trừ các thông tin thuộc bí mật nhà nước hoặc thông tin chưa được công khai theo quy định của pháp luật, UBND xã phải công khai các nội dung sau đây:

1. Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, phương án chuyển dịch cơ cấu kinh tế hằng năm của xã và kết quả thực hiện;

2. Số liệu, báo cáo thuyết minh dự toán ngân sách nhà nước, kế hoạch hoạt động tài chính của UBND trình HĐND; dự toán ngân sách, kế hoạch hoạt động tài chính đã được HĐND xã quyết định; số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách xã định kỳ theo quý, 06 tháng, hằng năm; quyết toán ngân sách nhà nước và kết quả thực hiện các hoạt động tài chính khác đã được HĐND xã phê chuẩn; kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán, Thanh tra nhà nước (nếu có);

3. Dự án, công trình đầu tư trên địa bàn xã và tiến độ thực hiện; kế hoạch thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi thu hồi đất để thực hiện dự án, công trình đầu tư trên địa bàn xã; kế hoạch quản lý, sử dụng quỹ đất do xã quản lý; kế hoạch cho thuê đất thuộc quỹ đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích của xã; quy hoạch chung được lập cho xã, đồ án quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết được lập cho các khu vực thuộc xã;

4. Quy chế thực hiện dân chủ; nhiệm vụ, quyền hạn của cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách ở xã, ở thôn, buôn; quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn của cơ quan Đảng, chính quyền, MTTQ và các hội đoàn thể xã;

5. Việc quản lý và sử dụng các loại quỹ, khoản đầu tư, tài trợ theo chương trình, dự án đối với địa bàn xã; các khoản huy động Nhân dân đóng góp;

6. Tình hình đầu tư xây dựng, mua sắm, sử dụng, chuyển đổi công năng, bán, thanh lý, tiêu hủy và hình thức xử lý khác đối với tài sản công do xã quản lý; tình hình khai thác nguồn lực tài chính từ tài sản công của xã;

7. Chủ trương, chính sách, kế hoạch, tiêu chí, đối tượng, quy trình bình xét và kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ, trợ cấp, tín dụng để thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, phát triển sản xuất, hỗ trợ xây dựng nhà ở, cấp thẻ bảo hiểm y tế và các chính sách an sinh xã hội khác được tổ chức triển khai trên địa bàn xã;

8. Thông tin về phạm vi, đối tượng, cách thức bình xét, xác định đối tượng, mức hỗ trợ, thời gian, thủ tục thực hiện phân phối các khoản hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để khắc phục khó khăn do thiên tai, dịch bệnh, sự cố, thảm họa hoặc để hỗ trợ bệnh nhân mắc bệnh hiểm nghèo trên địa bàn xã; việc quản lý, sử dụng các nguồn đóng góp, quyên góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân dành cho các đối tượng trên địa bàn xã;

9. Số lượng, đối tượng, tiêu chuẩn gọi nhập ngũ; danh sách công dân đủ điều kiện nhập ngũ và thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an Nhân dân; danh sách công dân được gọi nhập ngũ và thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an Nhân dân; danh sách tạm hoãn gọi nhập ngũ, miễn gọi nhập ngũ trên địa bàn xã;

10. Kết quả thanh tra, kiểm tra, giải quyết các vụ việc tham nhũng, tiêu cực, vi phạm kỷ luật đối với cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách ở xã, thôn, buôn; kết quả lấy phiếu tín nhiệm, bỏ phiếu tín nhiệm Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các Trưởng ban của HĐND; Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các Ủy viên UBND xã;

11. Kế hoạch lấy ý kiến Nhân dân, nội dung lấy ý kiến, kết quả tổng hợp ý kiến và giải trình, tiếp thu ý kiến của Nhân dân đối với những nội dung chính quyền địa phương đưa ra lấy ý kiến Nhân dân quy định tại Điều 21 của Quy chế này;

12. Đối tượng, mức thu các loại phí, lệ phí và nghĩa vụ tài chính khác do UBND xã trực tiếp thu;

13. Các thủ tục hành chính, thủ tục giải quyết công việc liên quan đến tổ chức, cá nhân do UBND xã trực tiếp thực hiện;

14. Nội dung khác theo quy định của pháp luật và Quy chế này.

Điều 6. Hình thức công khai

1. Niêm yết thông tin;
2. Đăng tải trên cổng thông tin điện tử, trang thông tin điện tử của chính quyền địa phương cấp xã;
3. Phát tin trên hệ thống truyền thanh của cấp xã (nếu có);
4. Thông qua Trưởng thôn, buôn để thông báo đến công dân;
5. Gửi văn bản đến công dân;
6. Thông qua hội nghị trao đổi, đối thoại giữa Ủy ban nhân dân cấp xã với Nhân dân;
7. Thông qua việc tiếp công dân, tiếp xúc cử tri, họp báo, thông cáo báo chí, hoạt động của người phát ngôn của Ủy ban nhân dân cấp xã theo quy định của pháp luật;
8. Thông báo đến tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội và các tổ chức, đoàn thể cùng cấp khác để tổ chức phổ biến, tuyên truyền đến hội viên, đoàn viên ở cơ sở;
9. Thông qua mạng viễn thông, mạng xã hội hoạt động hợp pháp theo quy định của pháp luật, bảo đảm phù hợp với mức độ ứng dụng công nghệ thông tin tại cấp xã;
10. Các hình thức khác theo quy định của pháp luật và quy chế thực hiện dân chủ ở xã.

Điều 7. Những nội dung Nhân dân bàn và quyết định

1. Chủ trương và mức đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng, các công trình công cộng trong phạm vi địa bàn xã, thôn, buôn do Nhân dân đóng góp toàn bộ hoặc một phần kinh phí, tài sản, công sức.
2. Việc thu, chi, quản lý các khoản đóng góp của Nhân dân tại cộng đồng dân cư ngoài các khoản đã được pháp luật quy định; việc thu, chi, quản lý các khoản kinh phí, tài sản do cộng đồng dân cư được giao quản lý hoặc được tiếp nhận từ các nguồn thu, tài trợ, ủng hộ hợp pháp khác.
3. Nội dung hương ước, quy ước của cộng đồng dân cư.
4. Bầu, cho thôi làm trưởng, phó các thôn, buôn.
5. Bầu, cho thôi làm thành viên Ban Thanh tra Nhân dân, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng.

6. Các công việc tự quản khác trong nội bộ cộng đồng dân cư không trái với quy định của pháp luật, phù hợp với thuần phong, mỹ tục và đạo đức xã hội.

Điều 8. Những nội dung Nhân dân tham gia ý kiến trước khi cơ quan có thẩm quyền quyết định

1. Dự thảo kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của xã; phương án chuyển đổi cơ cấu kinh tế, cơ cấu sản xuất; đề án, phương án phát triển ngành, nghề của xã.

2. Dự thảo quy hoạch sử dụng đất của huyện và phương án điều chỉnh; việc quản lý, sử dụng quỹ đất được giao cho UBND xã quản lý.

3. Chủ trương, chính sách đầu tư, xây dựng, đất đai, xử lý chất thải và bảo vệ môi trường, đền bù, giải phóng mặt bằng và phương án di dân, tái định cư đối với việc quyết định đầu tư công dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A, dự án có quy mô di dân, tái định cư lớn, dự án có nguy cơ tác động xấu đến môi trường, dự án có ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống kinh tế - xã hội của cộng đồng dân cư nơi thực hiện dự án.

4. Dự thảo đề án thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính, đặt tên, đổi tên đơn vị hành chính; dự thảo đề án thành lập, giải thể, nhập, chia, đặt tên, đổi tên thôn, buôn, ghép tổ dân cư.

5. Dự thảo quyết định hành chính của UBND xã có liên quan đến lợi ích cộng đồng, bao gồm quyết định ban hành hoặc phê duyệt chương trình, kế hoạch, dự án, đề án có nội dung tác động đến môi trường, sức khỏe của cộng đồng, trật tự, an toàn xã hội và những vấn đề khác có ảnh hưởng đến cộng đồng.

6. Dự thảo nhiệm vụ và đề án quy hoạch chung xây dựng, dự thảo nhiệm vụ và đề án quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết xây dựng và quy hoạch chung xây dựng xã, quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn.

7. Dự thảo quy chế về thực hiện dân chủ ở xã; dự thảo quy chế thực hiện dân chủ trong từng lĩnh vực, nội dung hoạt động cụ thể ở xã (nếu có).

8. Dự thảo quyết định hành chính có nội dung xác lập nghĩa vụ hoặc làm chấm dứt, hạn chế quyền, lợi ích của đối tượng thi hành là công dân trên địa bàn xã.

9. Các nội dung khác theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc UBND xã thấy cần lấy ý kiến.

Điều 9. Hình thức lấy ý kiến

1. Tổ chức cuộc họp của cộng đồng dân cư;

2. Phát phiếu lấy ý kiến của từng hộ gia đình;

3. Biểu quyết trực tuyến phù hợp với mức độ ứng dụng công nghệ thông tin và được cộng đồng dân cư thống nhất lựa chọn.

4. Trường hợp pháp luật có quy định khác về việc tổ chức đề Nhân dân bàn, quyết định thì thực hiện theo quy định đó.

5. Hình thức khác mà pháp luật không cấm.

Điều 10. Nội dung, hình thức nhân dân được kiểm tra, giám sát

1. Chủ trương và mức đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng, các công trình công cộng trong phạm vi địa bàn xã, thôn, buôn do Nhân dân đóng góp toàn bộ hoặc một phần kinh phí, tài sản, công sức.

2. Việc thu, chi, quản lý các khoản đóng góp của Nhân dân tại cộng đồng dân cư ngoài các khoản đã được pháp luật quy định; việc thu, chi, quản lý các khoản kinh phí, tài sản do cộng đồng dân cư được giao quản lý hoặc được tiếp nhận từ các nguồn thu, tài trợ, ủng hộ hợp pháp khác.

3. Nội dung hương ước, quy ước của cộng đồng dân cư.

4. Bầu, cho thôi làm Trưởng thôn, buôn.

5. Bầu, cho thôi làm thành viên Ban Thanh tra Nhân dân, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng.

6. Các công việc tự quản khác trong nội bộ cộng đồng dân cư không trái với quy định của pháp luật, phù hợp với thuần phong, mỹ tục và đạo đức xã hội.

7. Hình thức kiểm tra, giám sát của nhân dân thực hiện theo quy định của pháp luật (thông qua kiểm tra, giám sát của nhân dân; tiếp cận các thông tin được công khai, dân chủ; Hội nghị trao đổi, đối thoại của UBND xã với nhân dân hàng năm).

Mục 2

TỔ CHỨC HỘI NGHỊ TRAO ĐỔI, ĐỐI THOẠI GIỮA UBND XÃ VỚI NHÂN DÂN

Điều 11. Hội nghị trao đổi, đối thoại giữa UBND xã với Nhân dân

1. Hằng năm, UBND xã có trách nhiệm phối hợp với UBMTTQ xã tổ chức ít nhất một hội nghị trao đổi, đối thoại với Nhân dân trên địa bàn về tình hình hoạt động của UBND xã và những vấn đề liên quan đến quyền và nghĩa vụ của công dân.

2. Thời gian, hình thức tổ chức

a) Thời gian: Hội nghị trao đổi, đối thoại giữa UBND xã với Nhân dân được tổ chức ít nhất 1 năm một lần, vào quý III.

b) Hình thức tổ chức: Tổ chức Hội nghị trao đổi, đối thoại trực tiếp.

3. Thành phần tham dự:

- Đại biểu Thường trực Đảng ủy, HĐND xã;

- Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND xã;
- Đại biểu Thường trực UBMTTQVN xã và các tổ chức chính trị - xã hội xã;
- Cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách xã.
- Bí thư Chi bộ, Trưởng thôn, buôn; Trưởng Ban công tác Mặt trận và Nhân dân trên địa bàn xã.

4. Nội dung Hội nghị

- Chủ tịch UBND xã thông báo cho Nhân dân về tình hình phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo Quốc phòng - An ninh và những vấn đề quan trọng của địa xã mà Nhân dân quan tâm.

- Nhân dân tham gia hội nghị phát biểu, đóng góp với chính quyền về việc tổ chức triển khai và thực hiện các Nghị quyết của Đảng, Nhà nước, các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân; công tác quản lý Nhà nước trên các lĩnh vực kinh tế, đầu tư xây dựng cơ bản, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, trật tự... ở địa phương; việc thực hiện cải cách hành chính; thực hiện Luật dân chủ ở cơ sở; xây dựng xã văn minh, công tác phòng chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí và các tiêu cực khác; công tác tiếp dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân.

- Nghe ý kiến Nhân dân phản ánh về phẩm chất chính trị, đạo đức lối sống và trách nhiệm nêu gương, trách nhiệm thực thi công vụ của cán bộ, công chức nhất là người đứng đầu chính quyền trong quá trình thực thi công vụ, những vấn đề mà Nhân dân đề nghị cần tập trung chỉ đạo, tổ chức thực hiện.

- Chủ tịch UBND xã trực tiếp trả lời và chỉ đạo, giải quyết vướng mắc, kiến nghị của Nhân dân trong quá trình đối thoại, những vấn đề chưa thể trả lời được thì giải quyết sau khi kết thúc đối thoại theo thời gian quy định; những nội dung vượt thẩm quyền xem xét, giải quyết, những nội dung phức tạp liên quan đến nhiều ngành phải có thời gian nghiên cứu, xem xét, giải quyết nhằm đảm bảo chính xác, khách quan, đúng quy trình, trình tự pháp luật thì phải thông báo cho người có ý kiến, kiến nghị biết về thời gian và trách nhiệm của cơ quan giải quyết theo thời gian quy định chậm nhất không quá 30 ngày; nếu có nội dung phức tạp thì không quá 45 ngày kể từ ngày đối thoại.

Điều 12. Hội nghị định kỳ của cộng đồng dân cư

1. Hội nghị của cộng đồng dân cư được tổ chức định kỳ mỗi năm một lần vào thời gian cuối năm.

2. Trưởng thôn, buôn có trách nhiệm triệu tập, chủ trì hội nghị. Thành phần tham dự hội nghị là đại diện của các hộ gia đình trong thôn, buôn.

3. Tại hội nghị, Trưởng thôn, buôn có trách nhiệm báo cáo với Nhân dân về tình hình của cộng đồng dân cư, kết quả thực hiện các nội dung đã được cộng đồng

dân cư bàn và quyết định. Đại diện Ban công tác Mặt trận ở thôn, buôn báo cáo, cung cấp thông tin về tình hình, kết quả thực hiện dân chủ ở thôn, buôn và trên địa bàn xã. Thành viên Ban Thanh tra Nhân dân được bầu tại thôn, buôn báo cáo, cung cấp thông tin về việc thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát, xem xét, xác minh theo kiến nghị của Nhân dân trên địa bàn thôn, buôn.

Mục 3

BAN THANH TRA NHÂN DÂN

Điều 13. Tổ chức Ban Thanh tra nhân dân ở xã

1. Ban Thanh tra nhân dân ở xã gồm các thành viên được bầu từ các thôn, buôn trên địa bàn xã. Số lượng thành viên Ban Thanh tra nhân dân tương ứng số lượng thôn, buôn trên địa bàn xã nhưng không ít hơn 05 người.

2. Nhiệm kỳ của Ban Thanh tra nhân dân theo nhiệm kỳ của Trưởng thôn, buôn.

Trong nhiệm kỳ, nếu thành viên Ban Thanh tra nhân dân không hoàn thành nhiệm vụ, không còn được tín nhiệm hoặc xin thôi làm nhiệm vụ thì Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã đề nghị thôn, buôn đã bầu thành viên đó xem xét, cho thôi làm nhiệm vụ.

Trường hợp khuyết thành viên Ban Thanh tra nhân dân trong nhiệm kỳ và thời gian còn lại của nhiệm kỳ là từ 06 tháng trở lên thì Ban công tác Mặt trận ở thôn, buôn phối hợp với Trưởng, buôn tổ chức việc bầu bổ sung thành viên Ban Thanh tra nhân dân theo hướng dẫn của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã.

3. Ban Thanh tra nhân dân ở xã gồm Trưởng ban, Phó Trưởng ban và các Ủy viên. Trưởng ban chịu trách nhiệm chung về hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân; Phó Trưởng ban có trách nhiệm giúp Trưởng ban thực hiện nhiệm vụ; các thành viên khác thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của Trưởng ban.

4. Tiêu chuẩn, nhiệm vụ quyền hạn Ban thanh tra nhân dân được thực hiện theo quy định tại Điều 37, Điều 38 Luật thực hiện dân chủ ở cơ sở năm 2022.

Điều 14. Hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân ở xã

1. Ban Thanh tra nhân dân ở xã do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã trực tiếp chỉ đạo, hướng dẫn hoạt động theo quy định tại Điều 39 Luật thực hiện dân chủ ở cơ sở năm 2022, Điều 14 Nghị định số 59/2023/NĐ-CP ngày 14/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở.

2. Căn cứ vào chương trình hành động và sự chỉ đạo, hướng dẫn của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã, Ban Thanh tra nhân dân xây dựng phương hướng, nội dung kế hoạch hoạt động của mình theo từng quý, 06 tháng và hằng năm.

3. Ban Thanh tra nhân dân có trách nhiệm định kỳ báo cáo hoặc báo cáo khi có yêu cầu về hoạt động của mình với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã. Ban Thanh tra

nhân dân được mời tham dự cuộc họp của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã có nội dung liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát của Ban Thanh tra nhân dân.

Mục 4

BAN GIÁM SÁT ĐẦU TƯ CỦA CỘNG ĐỒNG

Điều 15. Tổ chức Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng

1. Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng được Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã quyết định thành lập theo từng chương trình, dự án đầu tư công, dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư (PPP) triển khai trên địa bàn xã, chương trình, dự án đầu tư bằng vốn và công sức của cộng đồng dân cư hoặc bằng nguồn tài trợ trực tiếp của các tổ chức, cá nhân cho xã.

Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng có ít nhất là 05 thành viên, gồm đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã, Ban Thanh tra nhân dân ở xã và đại diện người dân trên địa bàn thôn, buôn nơi có chương trình, dự án. Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

2. Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng có Trưởng ban, Phó Trưởng ban và các Ủy viên. Trưởng ban chịu trách nhiệm chung về hoạt động của Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng; Phó Trưởng ban có trách nhiệm giúp Trưởng ban thực hiện nhiệm vụ; các thành viên khác thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của Trưởng ban.

3. Tiêu chuẩn, nhiệm vụ quyền hạn Ban giám sát đầu tư của cộng đồng được thực hiện theo quy định tại Điều 42, Điều 43 Luật thực hiện dân chủ ở cơ sở năm 2022.

Điều 16. Hoạt động của Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng

1. Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã trực tiếp chỉ đạo hoạt động.

2. Trên cơ sở hướng dẫn của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng xây dựng chương trình, kế hoạch kiểm tra, giám sát đầu tư của cộng đồng bám sát các nhiệm vụ và nội dung kiểm tra, giám sát quy định tại Điều 43 của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở năm 2022 và Điều 18 Nghị định số 59/2023/NĐ-CP ngày 14/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở.

3. Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng có trách nhiệm định kỳ báo cáo hoặc báo cáo khi có yêu cầu về kết quả giám sát đầu tư của cộng đồng với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã. Trưởng ban Giám sát đầu tư của cộng đồng được mời tham dự cuộc họp của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ

quốc xã có nội dung liên quan đến chương trình, dự án mà Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 17. Trách nhiệm thực hiện của UBND xã

a) Chủ trì, phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quy chế này.

b) Chỉ đạo cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách xã; Trưởng các thôn, buôn; tổ trưởng, tổ phó tổ dân cư thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở trên địa bàn xã;

c) Xem xét, giải quyết và trả lời kịp thời các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân, kiến nghị của Ban Thanh tra nhân dân, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn xã;

d) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở năm 2022.

Điều 18. Trách nhiệm của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã

1. Tổ chức vận động Nhân dân thực hiện tốt những nội dung được quy định trong Quy chế này, tổ chức các phong trào thi đua về thực hiện dân chủ ở cơ sở.

2. Tiếp nhận, tổng hợp khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị của Nhân dân về thực hiện Quy chế này để chuyển đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định; giám sát quá trình giải quyết khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị của Nhân dân.

3. Thực hiện giám sát, phản biện xã hội đối với hoạt động của cơ quan, đơn vị, cán bộ, công chức, người lao động trong việc thực hiện chính sách, pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở.

4. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở năm 2022.

Điều 19. Trách nhiệm của các tổ chức đoàn thể, chính trị - xã hội khác

1. Tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức của hội viên, đoàn viên và Nhân dân về thực hiện dân chủ ở cơ sở.

2. Tham gia, phối hợp với cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện Quy chế này.

3. Thực hiện giám sát, phản biện xã hội đối với việc thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước có liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp, việc thực hiện dân chủ ở cơ sở của hội viên, đoàn viên, thanh niên.

Chương IV **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 20. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế này có hiệu lực thi hành từ ngày / /2024.
2. Những nội dung liên quan trong thực hiện dân chủ ở cơ sở không được quy định trong Quy chế này thì thực hiện theo Luật Dân chủ ở cơ sở năm 2022, Nghị định số 59/2023/NĐ-CP ngày 14/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở và các văn bản pháp luật hiện hành có liên quan.

Điều 21. Bổ sung, sửa đổi Quy chế.

Trong quá trình thực hiện nếu có vấn đề chưa rõ hoặc vướng mắc, Trưởng các ban, ngành, đoàn thể của xã, Trưởng các thôn, buôn báo cáo về UBND xã (*thông qua bộ phận Văn phòng – Thống kê*) để tổng hợp tham mưu UBND xã xem xét, điều chỉnh Quy chế cho phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương.